

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3941** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **10** tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 518/TTr-SNV ngày 29/11/2021 về việc ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn cụ thể các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định đánh giá,

xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Nội vụ;
 - TT. Tỉnh ủy;
 - TT. HĐND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ tỉnh;
 - Các Ban Xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
 - Hội Cựu chiến binh tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, HCC.
- Chintk.12/2021 /

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 10-12-2021 15:14:32
+07:00

Lê Quang Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3941~~ /QĐ-UBND ngày ~~10~~ tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thuộc tỉnh Thái Nguyên.

3. Không áp dụng với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Mục tiêu

1. Đánh giá khách quan kết quả thực hiện cải cách hành chính của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Giúp các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện phát hiện những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện cải cách hành chính, đề ra những giải pháp khắc phục thiếu sót, hạn chế mà Chỉ số cải cách hành chính đã nêu ra.

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của từng cơ quan, đơn vị về công tác cải cách hành chính.

4. Đánh giá theo nội dung của Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

5. Việc đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện được tổ chức định kỳ hằng năm và thông qua phần mềm đánh giá chấm điểm.

6. Kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện là một trong những tiêu chí xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Chương II.

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

Điều 4. Nội dung đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính

1. Đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính theo Quy định này là hệ thống các tiêu chí nhằm mục đích đo lường những thay đổi được tạo ra trong quá trình thực hiện cải cách hành chính tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

(Có phụ lục kèm theo)

2. Những nội dung đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính bám sát nội dung Chương trình Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

- a) Công tác chỉ đạo, điều hành;
- b) Cải cách thể chế;
- c) Cải cách thủ tục hành chính;
- d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính;
- đ) Cải cách chế độ công vụ;
- e) Cải cách tài chính công;
- g) Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số;
- h) Đánh giá tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế xã hội (Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 5. Thang điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính

1. Chỉ số cải cách hành chính các Sở: 100 điểm

a) Điểm tự chấm/thẩm định: 77 điểm.

b) Điểm điều tra xã hội học: 23 điểm.

2. Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện: 100 điểm

a) Điểm tự chấm/thẩm định: 76 điểm.

b) Điểm điều tra xã hội học: 24 điểm.

Điều 6. Cách tính và chấm điểm

1. Tính điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện

nhiệm vụ ở mức cao nhất. Các nhiệm vụ không thực hiện, thực hiện không đầy đủ thì tùy theo mức độ thực hiện mà trừ đi số điểm trong tổng số điểm.

2. Chỉ số cải cách hành chính là tỷ lệ % giữa điểm đạt được và số điểm tối đa = (số điểm đạt được/số điểm tối đa)*100%.

* **Ví dụ:** qua thẩm định Báo cáo tự chấm điểm năm 2021 của Sở Tài chính đạt 65 điểm, điểm điều tra xã hội học đạt 21,5 điểm. Vậy số điểm đạt được của Sở Tài chính = 65 điểm + 21,5 điểm = 86,5 điểm. Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của Sở Tài chính là: $(86,5/100)*100\% = 86,5\%$

3. Đối với cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thực hiện trong thực tế chưa hoàn toàn phù hợp với tiêu chí đã được quy định nhưng có nội dung tương tự thì xác định kết quả của công việc tương tự đó và vận dụng để tính điểm cho tiêu chí.

Điều 7. Quy trình đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính

1. Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện tự đánh giá và chấm điểm cải cách hành chính theo tiêu chí được phê duyệt.

a) Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy định này và kết quả thực hiện tại đơn vị tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính và xây dựng Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

b) Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính phải thể hiện đầy đủ điểm số thực tế của từng tiêu chí, tổng số điểm đạt được, đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng, chứng minh cho kết quả đạt được.

c) Đối với một số tiêu chí cần có thông tin chuyên ngành mà các báo cáo của đơn vị, địa phương không có thì khai thác, truy vấn các báo cáo, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra, xác minh thực tế.

2. Thẩm định kết quả tự đánh giá.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính (gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kết quả tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Căn cứ thẩm định

- Kết quả đánh giá của các sở được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ trong Chương trình, Đề án, Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh (gồm các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và một số cơ quan liên quan khác).

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tài liệu kiểm chứng kèm theo.

3. Thực hiện điều tra xã hội học đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc nhóm điều tra xã hội học.

4. Tổng hợp điểm thẩm định và điểm điều tra xã hội học để xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

Điều 8. Tổ chức tự đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính

Việc tự đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện được tiến hành với thành phần như sau:

1. Các sở: Do Thủ trưởng đơn vị chủ trì và có sự tham gia của Trưởng các phòng, ban, đơn vị chuyên môn liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì và có sự tham gia của Trưởng các phòng chuyên môn liên quan.

3. Các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo tự chấm điểm cải cách hành chính, kèm theo tài liệu chứng minh, kiểm chứng cho số điểm đã chấm thông qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên và gửi báo cáo tự chấm gửi về Sở Nội vụ theo thời gian quy định.

Điều 9. Tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá

1. Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, thành phần gồm có:

a) Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng thẩm định

b) Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định

c) Một (01) Phó Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là Thành viên Hội đồng thẩm định.

2. Tổ thẩm định

a) Tổ viên Tổ thẩm định là Trưởng phòng, công chức của các phòng chuyên môn trực thuộc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan. Tổ trưởng Tổ thẩm định do một Thành viên Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Nội vụ làm Tổ trưởng.

b) Số lượng Thành viên Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Hội đồng thẩm định của tỉnh có trách nhiệm thẩm định kết quả tự đánh giá của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Phân tích kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đề xuất việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành

chính; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính.

4. Hội đồng thẩm định được sử dụng con dấu của cơ quan thường trực (Sở Nội vụ) trong quá trình hoạt động và Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

5. Thành viên Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định điểm tự chấm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính) và gửi kết quả thẩm định đến Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Điều 10. Xếp hạng và phân loại kết quả cải cách hành chính

Việc xếp hạng kết quả thực hiện cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện được tính trên cơ sở số điểm của kết quả thẩm định đối với mỗi sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, kết quả điều tra xã hội học và được xác định theo thứ tự từ cao xuống thấp, đồng thời phân loại thành các nhóm như sau:

1. Nhóm Xuất sắc: Đạt 90 điểm trở lên;
2. Nhóm Tốt: Đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm;
3. Nhóm Khá: Đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm;
4. Nhóm Trung bình: Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm;
5. Nhóm Yếu: Đạt dưới 50 điểm.

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá, chấm điểm nêu tại Quy định này và báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 25/12/2021** đúng quy định.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức điều tra xã hội học, thu thập phiếu khảo sát gửi về Sở Nội vụ theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ và cơ quan có liên quan

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính theo Quy định này.

b) Xây dựng phiếu khảo sát và phương án tổ chức điều tra xã hội học, phối hợp với đơn vị độc lập triển khai điều tra xã hội học theo quy định.

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình kết quả thực hiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính.

d) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

đ) Lập dự toán kinh phí thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính.

2. Các sở: Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 9, Quy định này.

3. Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính và hướng dẫn việc thanh, quyết toán theo quy định.

4. Báo Thái Nguyên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh:

a) Tuyên truyền làm nổi bật mục tiêu, ý nghĩa của việc đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính; nâng cao nhận thức của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phản ánh trung thực quá trình thực hiện các nội dung cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương, làm cơ sở giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá khách quan, chính xác kết quả thực hiện cải cách hành chính tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 13. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, phản ánh Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC I. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

*(kèm theo Quyết định số **3941** /QĐ - UBND ngày **10** / **12** /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10				
1.1	Kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện	1,5				
1.1.1	Thời điểm ban hành và nội dung kế hoạch	0,5				
1.1.2	Thực hiện Kế hoạch	1				
1.2	Thực hiện báo cáo CCHC	1				
1.2.1	Báo cáo thông qua phần mềm cơ sở dữ liệu CCHC	0,5				
1.2.2	Báo cáo bằng văn bản điện tử theo quy định	0,5				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	1				
1.3.1	Thực hiện kiểm tra công tác CCHC	0,5				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC	0,5				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1				
1.4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu, hội thảo, tọa đàm về CCHC	0,5				
1.4.2	Hình thức tuyên truyền khác về CCHC	0,25				
1.4.3	Viết tin, bài cho Bản tin CCHC của tỉnh	0,25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
1.5	Sáng kiến cải cách hành chính	1				
1.5.1	Sáng kiến CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh	0,5				
1.5.2	Sáng kiến CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở	0,5				
1.6	Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình, Kế hoạch công tác theo chức năng, nhiệm vụ	0,5				
1.7	Các hoạt động nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của cơ quan, đơn vị.	1				
1.7.1	Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của cơ quan, đơn vị	0,25				
1.7.2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh và Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của cơ quan, đơn vị	0,75				
1.8	Tổ chức quán triệt, triển khai Chương trình cải cách hành chính trong phạm vi cơ quan, đơn vị	1				
1.8.1	Triển khai bằng văn bản	0,25				
1.8.2	Tổ chức hội nghị triển khai	0,75				
1.9	Tính kịp thời, chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC	1	ĐTXHH			
1.10	Bố trí các nguồn lực cho công tác CCHC	1	ĐTXHH			

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG I:
- Sở Nội vụ chủ trì thẩm định điểm tự chấm các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 (trừ tiêu chí 1.9, 1.10)

[illegible]

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	21				
3.1	Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính	6				
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện	0,5				
3.1.2	Thực hiện rà soát TTHC	2				
3.1.3	Rà soát và trình công bố TTHC, danh mục TTHC	1				
3.1.4	Rà soát và trình công bố quy trình giải quyết nội bộ đối với các TTHC	1,5				
3.1.5	Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC	1				
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	10				
3.2.1	Rà soát và trình công bố TTHC giao tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã	1				
3.2.2	Rà soát đề xuất cấp có thẩm quyền phân cấp giải quyết TTHC	1				
3.2.3	Rà soát, đề xuất chuyển 1 hoặc một số công việc trong quá trình giải quyết TTHC cho doanh nghiệp bưu chính công ích đảm nhận	0,5				
3.2.4	Đăng tải công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử	1				
3.2.5	Hướng dẫn tổ chức, công dân thực hiện TTHC	1,5				
3.2.6	Tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh	0,5				
3.2.7	Thực hiện đánh giá kết quả giải quyết TTHC	0,5				
3.2.8	Công khai kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	2,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
3.2.9	Xin lỗi công dân bằng văn bản khi có hồ sơ trả chậm	0,5				
3.2.10	Rà soát, thống kê kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực pháp lý	1				
3.3	Thái độ phục vụ của công chức	1	ĐTXHH			
3.4	Hướng dẫn tổ chức, cá nhân kê khai, bổ sung hồ sơ	1	ĐTXHH			
3.5	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức	1	ĐTXHH			
3.6	Hiện tượng tiêu cực, những nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ	1	ĐTXHH			
3.7	Giải quyết phản ánh, kiến nghị liên quan đến giải quyết TTHC	1	ĐTXHH			
PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG III:						
Văn phòng UBND tỉnh chủ trì thẩm định điểm tự chấm nội dung III (Trừ tiêu chí 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7)						
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	16				
4.1	Cải cách tổ chức bộ máy	14				
4.1.1	Trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở, Chi cục và tương đương thuộc Sở, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo Thông tư của Bộ chuyên ngành theo quy định	0,5				
4.1.2	Giám đốc Sở quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc hoặc Chi cục và tương đương thuộc Sở theo phân cấp, ủy quyền của cấp có thẩm quyền	0,5				
4.1.3	Hàng năm báo cáo UBND tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động Sở, ngành	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
4.1.4	Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	0,75				
4.1.5	Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại khi được phân cấp, ủy quyền	0,75				
4.1.6	Rà soát, xây dựng trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.	1				
4.1.7	Phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	1				
4.1.8	Triển khai và chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập thuộc phạm vi quản lý triển khai xây dựng Tờ trình, đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ	1				
4.1.9	Sử dụng hợp đồng lao động làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (<i>trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, đơn vị sự nghiệp y tế công lập</i>)	1				
4.1.10	Kế hoạch sử dụng biên chế công chức, viên chức	1				
4.1.11	Thực hiện tinh giản biên chế viên chức trong các ĐVSN công lập	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
4.1.12	Kết quả giải quyết đơn, thư khiếu nại tố cáo	1	ĐTXHH			
4.1.13	Thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh	1	ĐTXHH			
4.1.14	Sự hợp lý trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy	1	ĐTXHH			
4.1.15	Sự hợp lý trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định	1	ĐTXHH			
4.1.16	Sự hợp lý trong bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý và công chức, viên chức	1	ĐTXHH			
4.2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong cơ quan hành chính	2				
4.2.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	0,5				
4.2.2	Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	1				
4.2.3	Báo cáo kết quả thực hiện ISO	0,5				
PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG IV:						
- Sở Nội vụ chủ trì thẩm định điểm tự chấm tiêu chí 4.1 (trừ các tiêu chí 4.1.12, 4.1.13, 4.1.14, 4.1.15, 4.1.16)						
- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định điểm tự chấm tiêu chí 4.2						
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	14				
5.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại sở và cơ quan hành chính trực thuộc Sở	0,5				
5.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở	0,5				
5.3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2,5				
5.3.1	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm theo quy định	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
5.3.2	Thực hiện kế hoạch	0,5				
5.3.3	Xây dựng tài liệu bồi dưỡng chuyên ngành hoặc sửa đổi, bổ sung	0,5				
5.3.4	Báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC theo quy định	0,5				
5.3.5	Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Chương trình quốc gia học tập ngoại ngữ cho CBCCVC giai đoạn 2019 – 2030	0,5				
5.4	Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	1				
5.4.1	Ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.4.2	Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.5	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định	1				
5.6	Thực hiện chuyển đổi vị trí lãnh đạo quản lý cấp phòng	1				
5.7	Phối hợp cơ quan liên quan trình UBND tỉnh quy định điều kiện, tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, lãnh đạo quản lý phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	0,5				
5.8	Tỷ lệ phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc có cơ cấu công chức hợp lý theo quy định	1				
5.9	Tỷ lệ công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số	1				
5.10	Kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức	1				
5.11	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	1	ĐTXHH			
5.12	Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ	1	ĐTXHH			
5.13	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên	1	ĐTXHH			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	chức thuộc Sở					
5.14	Tình trạng những nhiều, tiêu cực, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công việc để trục lợi cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức	1	ĐTXHH			
PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG V:						
Sở Nội vụ chủ trì thẩm định điểm tự chấm nội dung V (Trừ các tiêu chí 5.11, 5.12, 5.13, 5.14)						
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	10				
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính	0,5				
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	0,5				
6.3	Thực hiện quy định sử dụng các nguồn tài chính tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và phân phối kết quả tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập	1				
6.4	Đổi mới cơ chế tài chính với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1				
6.5	Thực hiện công khai dự toán, quyết toán việc sử dụng ngân sách	1,5				
6.5.1	Báo cáo công khai dự toán, quyết toán sử dụng ngân sách	0,5				
6.5.2	Công khai quyết toán sử dụng ngân sách, dự toán, tình hình thực hiện dự toán theo quy định	1				
6.6	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện công khai, kê khai tài sản công theo quy định	1				
6.6.1	Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
6.6.2	Thực hiện công khai, kê khai tài sản công	0,5				
6.7	Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công	0,5				
6.8	Rà soát và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước	1				
6.9	Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước	1				
6.10	Xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá của dịch vụ sự nghiệp công lập	1				
6.11	Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định	1				
PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VI: Sở Tài chính chủ trì thẩm định điểm tự chấm nội dung VI						
VII	XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	19				
7.1	Chuyển đổi nhận thức	1,5				
7.1.1	Lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy	0,5				
7.1.2	Thành lập bộ phận về chuyển đổi số	0,5				
7.1.3	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, Chính quyền số	0,25				
7.1.4	Gắn kết, lồng ghép chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số với phong trào thi đua và lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các	0,25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.					
7.2	Hoàn thiện quy định vận hành, khai thác các ứng dụng CNTT và xây dựng Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chính quyền số	1,5				
7.2.1	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch năm 2021	0,5				
7.2.2	Nhiệm vụ chuyển đổi số được UBND tỉnh phê duyệt	0,5				
7.2.3	Quy chế vận hành, khai thác các ứng dụng CNTT, nền tảng số do Sở chủ trì xây dựng, quản lý	0,5				
7.3	Nguồn lực thực hiện chuyển đổi số	1				
7.3.1	Bố trí công chức chuyên môn phụ trách chuyển đổi số	0,5				
7.3.2	Bồi dưỡng chuyên môn về chuyển đổi số trong ngành	0,5				
7.4	Hoạt động của Chính quyền điện tử, Chính quyền số	11				
7.4.1	Sự sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành	0,25				
7.4.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử trong thực thi công vụ	0,25				
7.4.3	Phần mềm quản lý văn bản	1				
7.4.4	Chữ ký điện tử, chữ ký số	2				
7.4.5	Hệ thống thông tin báo cáo	1				
7.4.6	Trang thông tin điện tử	1,5				
7.4.7	Đăng ký, sử dụng tài khoản trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	1				
7.4.8	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
7.4.9	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	1				
7.4.10	Báo cáo kết quả hoạt động ứng dụng CNTT	0,5				
7.5	Hiệu quả khai thác, sử dụng trang thiết bị, phần mềm ứng dụng CNTT được đầu tư	1	ĐTXHH			
7.6	Sự thuận lợi của sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC	1	ĐTXHH			
7.7	Mức độ cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử	1	ĐTXHH			
7.8	Sự thuận lợi trong tiếp cận thông tin về các dịch vụ công trực tuyến của đơn vị được cung cấp	1	ĐTXHH			
<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VII:</u>						
Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thẩm định điểm tự chấm nội dung VII (trừ các tiêu chí 7.5, 7.6, 7.7, 7.8)						

KẾT QUẢ

Kết quả	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC
		Điều tra XHH	Tự đánh giá	HĐTĐ đánh giá		
Số điểm	100					
Tổng số điểm						

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC II.

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ

(kèm theo Quyết định số 3941 /QĐ - UBND ngày 10 /12 /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	10				
1.1	Kế hoạch CCHC và triển khai thực hiện	1				
1.1.1	Thời điểm ban hành và nội dung kế hoạch	0,25				
1.1.2	Thực hiện Kế hoạch	0,75				
1.2	Báo cáo CCHC	0,5				
1.2.1	Báo cáo qua phần mềm cơ sở dữ liệu CCHC	0,25				
1.2.2	Báo cáo bằng văn bản điện tử theo quy định	0,25				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	1,25				
1.3.1	Thực hiện kiểm tra công tác CCHC	0,75				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra CCHC	0,5				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,25				
1.4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu, tọa đàm, hội thảo về CCHC	0,5				
1.4.2	Hình thức tuyên truyền khác về CCHC	0,25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
1.4.3	Viết tin, bài cho Bản tin CCHC của tỉnh	0,5				
1.5	Sáng kiến về CCHC	1,5				
1.5.1	Sáng kiến CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh	1				
1.5.2	Sáng kiến CCHC được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở	0,5				
1.6	Các hoạt động nâng cao Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số cải cách hành chính của địa phương	1,5				
1.6.1	Báo cáo phân tích, đánh giá hạn chế, tồn tại Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của địa phương	0,5				
1.6.2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và hiệu quả quản trị và hành chính công của địa phương	1				
1.7	Tổ chức quán triệt, triển khai Chương trình cải cách hành chính trong phạm vi địa phương	1				
1.7.1	Triển khai bằng văn bản	0,25				
1.7.2	Tổ chức hội nghị triển khai	0,75				
1.8	Tính kịp thời, chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC của địa phương	1	ĐTXHH			
1.9	Việc bố trí các nguồn lực cho công tác CCHC của địa phương	1	ĐTXHH			

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG I:

- Sở Nội vụ chủ trì thẩm định điểm tự chấm các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7 (trừ tiêu chí 1.8 và 1.9)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	10				
2.1	Ban hành văn bản QPPL	0,5				
2.2	Rà soát văn bản QPPL	1				
2.2.1	Kế hoạch rà soát văn bản QPPL	0,25				
2.2.2	Thực hiện rà soát văn bản QPPL	0,75				
2.3	Kiểm tra văn bản QPPL	1,5				
2.3.1	Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL	0,5				
2.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra văn bản QPPL	0,5				
2.3.3	Xử lý văn bản sau khi có kiến nghị của cơ quan chuyên môn	0,5				
2.4	Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	2				
2.4.1	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5				
2.4.2	Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật	1,5				
2.5	Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật	1,5				
2.5.1	Kế hoạch và các hoạt động theo dõi, thi hành pháp luật	0,5				
2.5.2	Xử lý các kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5				
2.5.3	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5				
2.6	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	0,5				
2.7	Tính kịp thời trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL	1	ĐTXHH			
2.8	Tính đồng bộ trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL	1	ĐTXHH			
2.9	Sự hiệu quả trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL	1	ĐTXHH			

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG II:
Sở Tư pháp chủ trì thẩm định điểm tự chấm nội dung II (trừ các tiêu chí thành phần 2.7, 2.8, 2.9).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	16				
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính	3				
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC và triển khai thực hiện	1				
3.1.2	Thực hiện rà soát TTHC	1,5				
3.1.3	Báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC	0,5				
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	13				
3.2.1	Tiêu chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa	0,25				
3.2.2	Thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức được cử đến Bộ phận một cửa	0,25				
3.2.3	Tỷ lệ UBND cấp xã có phòng làm việc của bộ phận một cửa và trang, thiết bị đáp ứng yêu cầu	1				
3.2.4	Công khai thủ tục hành chính	1				
3.2.5	Công khai danh sách cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa	0,5				
3.2.6	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử đúng quy định	1				
3.2.7	Hướng dẫn tổ chức, công dân thực hiện TTHC	1,5				
3.2.8	Tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	0,5				
3.2.9	Thực hiện đúng quy định về quy trình liên thông	1				
3.2.10	Thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ tại Bộ phận một cửa cấp huyện	1				
3.2.11	Thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	tướng Chính phủ và quy định của UBND tỉnh tại UBND cấp xã					
3.2.12	Thực hiện đánh giá kết quả giải quyết TTHC	0,25				
3.2.13	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	1				
3.2.14	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công khai kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	0,5				
3.2.15	Xin lỗi công dân bằng văn bản khi có hồ sơ trả chậm	0,25				
3.2.16	Rà soát, thống kê kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực pháp lý	0,5				
3.2.17	Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1				
3.2.18	Cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	0,5				

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG III:

Văn phòng UBND tỉnh chủ trì thẩm định điểm tự chấm nội dung III

IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	13				
4.1	Cải cách tổ chức bộ máy	12				
4.1.1	Trình HĐND cùng cấp quyết định thành lập hoặc không thành lập, kiện toàn tổ chức các phòng chuyên môn theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP	0,5				
4.1.2	Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng phòng theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP	0,5				
4.1.3	Báo cáo HĐND cùng cấp và UBND tỉnh về tổ chức, hoạt động của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	0,5				
4.1.4	Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
4.1.5	Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ theo phân cấp, ủy quyền.	0,5				
4.1.6	Rà soát, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền Quyết định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ	0,5				
4.1.7	Triển khai và chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập thuộc phạm vi quản lý triển khai xây dựng Tờ trình, đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ	0,5				
4.1.8	Tỷ lệ phòng chuyên môn và tương đương trực thuộc bố trí công chức đúng vị trí việc làm	0,5				
4.1.9	Sử dụng hợp đồng lao động làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (<i>trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, đơn vị sự nghiệp y tế công lập; ĐVSN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên</i>)	0,5				
4.1.10	Thành lập trường học ngoài công lập	0,5				
4.1.11	Xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế	0,5				
4.1.12	Thực hiện tinh giản biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	0,5				
4.1.13	Tỷ lệ cấp xã có Bí thư cấp ủy kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND	0,5				
4.1.14	Bí thư cấp ủy kiêm nhiệm Chủ tịch UBND cấp xã	0,5				
4.1.15	Luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện về làm cán bộ chủ chốt cấp xã	0,25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
4.1.16	Luân chuyên ngang giữa các đơn vị cấp xã	0,25				
4.1.17	Sắp xếp, sáp nhập xóm, tổ dân phố	0,25				
4.1.18	Tỉ lệ HĐND cấp xã, UBND cấp xã ban hành Quy chế làm việc nhiệm kỳ 2021 - 2026:	0,25				
4.1.19	Thực hiện Quy chế làm việc của UBND cấp huyện	1	ĐTXHH			
4.1.20	Giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo	1	ĐTXHH			
4.1.21	Sự hợp lý trong sắp xếp tổ chức, bộ máy	1	ĐTXHH			
4.1.22	Sự hợp lý trong sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo và đội ngũ công chức, viên chức	1	ĐTXHH			
4.2	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong cơ quan hành chính	1				
4.2.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	0,25				
4.2.2	Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	0,25				
4.2.3	Báo cáo kết quả thực hiện ISO	0,25				
4.2.4	Tỷ lệ đơn vị cấp xã công bố áp dụng và duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	0,25				

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG IV:

- Sở Nội vụ chủ trì chấm điểm tiêu chí 4.1 (trừ các tiêu chí 4.1.19, 4.1.20, 4.1.21.4.1.22)
- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì chấm điểm tiêu chí 4.2

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	13				
5.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức	0,5				
5.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	0,5				
5.3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,5				
5.3.1	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2021	0,25				
5.3.2	Thực hiện kế hoạch	0,5				
5.3.3	Báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC theo quy định	0,25				
5.3.4	Xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Chương trình quốc gia học tập ngoại ngữ cho CBCCVC giai đoạn 2019 – 2030”	0,5				
5.4	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu công chức hợp lý theo quy định	1				
5.5	Quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP	1				
5.6	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	0,5				
5.6.1	Ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định	0,25				
5.6.2	Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	0,25				
5.7	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định	0,5				
5.8	Đánh giá việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc, thiểu số theo quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ	1				
5.8.1	Tỷ lệ CBCCVC là người dân tộc thiểu số	0,5				
5.8.2	Tỷ lệ công chức, viên chức là người dân tộc, thiểu số tại Phòng Dân tộc	0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	thuộc UBND cấp huyện					
5.9	Chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã	1,5				
5.9.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã theo quy định	0,5				
5.9.2	Chất lượng cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)	0,5				
5.9.3	Chất lượng cán bộ cấp xã (không tính cán bộ chủ chốt cấp xã)	0,5				
5.10	Chất lượng đội ngũ công chức cấp xã	0,5				
5.11	Kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức	0,5				
5.12	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở của đội ngũ CBCCVC tại địa phương	1	ĐTXHH			
5.13	Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức tại địa phương trong thực thi công vụ	1	ĐTXHH			
5.14	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương	1	ĐTXHH			
5.15	Tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương	1	ĐTXHH			
<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG V:</u>						
- Sở Nội vụ chủ trì thẩm định điểm tự chấm các tiêu chí của nội dung V (Trừ các tiêu chí 5.12, 5.13, 5.14, 5.15)						
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	10				
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế, kinh phí hành chính	0,5				
6.2	Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1,5				
6.2.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	0,5				
6.2.2	Đổi mới cơ chế tài chính với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
6.3	Thực hiện công khai dự toán, quyết toán việc sử dụng ngân sách	1,5				
6.3.1	Công khai đúng quy định tại UBND cấp huyện	0,75				
6.3.2	Công khai tại UBND cấp xã	0,75				
6.4	Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định	1				
6.4.1	Ban hành Quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý	0,5				
6.4.2	Thực hiện công khai, kê khai tài sản công	0,5				
6.5	Thực hiện đúng quy định về định mức sử dụng trang thiết bị, tài sản công	1				
6.6	Thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	1,5				
6.7	Thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1,5				
6.8	Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định	1,5				
<u>PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VI: Sở Tài chính chủ trì chấm điểm các tiêu chí của nội dung VI</u>						
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	18				
7.1	Chuyển đổi nhận thức	1,5				
7.1.1	Lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy	0,5				
7.1.2	Thành lập bộ phận về chuyển đổi số	0,5				
7.1.3	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, Chính quyền số	0,25				
7.1.4	Gắn kết, lồng ghép chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số với phong trào thi đua và lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số.	0,25				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
7.2	Hoàn thiện quy định vận hành, khai thác các ứng dụng CNTT và xây dựng Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, chính quyền số	1,5				
7.2.1	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số	0,5				
7.2.2	Nhiệm vụ chuyển đổi số được phê duyệt	0,5				
7.2.3	Quy chế vận hành, khai thác các ứng dụng CNTT, nền tảng số do địa phương chủ trì xây dựng, quản lý	0,5				
7.3	Nguồn lực thực hiện chuyển đổi số	1				
7.3.1	Bố trí công chức chuyên môn phụ trách chuyển đổi số	0,5				
7.3.2	Bồi dưỡng chuyên môn về chuyển đổi số tại địa phương	0,5				
7.4	Hoạt động của Chính quyền điện tử, Chính quyền số	11				
7.4.1	Sự sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu của địa phương	0,25				
7.4.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử trong thực thi công vụ	0,25				
7.4.3	Phần mềm quản lý văn bản	1,5				
7.4.4	Chữ ký điện tử, chữ ký số	2,5				
7.4.5	Hệ thống thông tin báo cáo	1				
7.4.6	Trang thông tin điện tử	1,5				
7.4.7	Đăng ký, sử dụng tài khoản trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh	0,5				
7.4.8	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2				
7.4.9	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
	công ích					
7.4.10	Báo cáo kết quả hoạt động ứng dụng CNTT	0,5				
7.5	Hiệu quả khai thác, sử dụng trang thiết bị, phần mềm ứng dụng CNTT được đầu tư	1	ĐTXHH			
7.6	Tính đầy đủ của các thông tin được cung cấp trên trang thông tin điện tử của địa phương	0,5	ĐTXHH			
7.7	Sự thuận tiện, đầy đủ của các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp của địa phương	0,5	ĐTXHH			
7.8	Sự thuận lợi của sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại địa phương	1	ĐTXHH			

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VII:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì chấm điểm tiêu chí 7.1 (trừ các tiêu chí thành phần 7.5, 7.6, 7.7, 7.8).

VIII	TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI	10				
8.1	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	2				
8.1.1	Thời điểm ban hành và nội dung kế hoạch	0,25				
8.1.2	Thực hiện Kế hoạch	1				
8.1.3	Chỉ tiêu thu ngân sách được cấp có thẩm quyền giao	0,75				
8.2	Kết quả đánh giá hài lòng về sự phục vụ hành chính của tổ chức, người dân tại địa phương	8				
8.2.1	Kết quả chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ	1	ĐTXHH			
8.2.2	Kết quả chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC	2	ĐTXHH			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Chỉ số
			ĐTXHH	Tự chấm	Thẩm định	
8.2.3	Kết quả chỉ số hài lòng về sự phục vụ của công chức	2	ĐTXHH			
8.2.4	Kết quả chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC	2	ĐTXHH			
8.2.5	Kết quả chỉ số hài lòng về tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị	1	ĐTXHH			

PHÂN CÔNG THẨM ĐỊNH ĐIỂM TỰ CHẤM NỘI DUNG VIII

- Sở Tài chính chủ trì thẩm định điểm tự chấm tiêu chí 8.1.3

- Sở Nội vụ chủ trì 8.1.1, 8.1.2; phối hợp cơ quan liên quan tổ chức đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức và chấm điểm cho tiêu chí và tiêu chí 8.2

KẾT QUẢ

Kết quả	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm đánh giá			Tổng điểm đạt được	Chỉ số CCHC
		Điều tra XHH	Tự đánh giá	HĐTD đánh giá		
Số điểm	100					
Tổng số điểm						